

Số: 121/BC-BYT

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 24/01/2022 đến 16h00 ngày 25/01/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong vòng 24 giờ qua, thế giới ghi nhận trên 2 triệu ca mắc COVID-19 và trên 4.000 ca tử vong. Đến nay, tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 355 triệu ca, trong đó trên 5,6 triệu ca tử vong.

Tại Mỹ, số ca mắc mới trong các trường đại học đang gia tăng trên toàn nước này. Trong tuần đầu tiên của học kỳ mùa Xuân, Đại học Georgia đã báo cáo gần 1.000 trường hợp dương tính, đây cũng là tuần có số ca mắc cao nhất mà đại học này ghi nhận kể từ khi đại dịch bùng phát. Tại Đại học Dartmouth ở New Hampshire, 7 ngày qua đã ghi nhận 1.196 ca mắc mới. Trong khi đó, số trường hợp dương tính tại Đại học Penn State tăng lên mức cao nhất trong 12 tháng.

Tại châu Á, Nhật Bản ghi nhận số ca mắc mới vẫn tăng cao và vượt ngưỡng 50.000 ca/ngày lần đầu tiên kể từ khi dịch bùng phát ở nước này, các cơ quan chức năng đang cân nhắc mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp trọng điểm phòng dịch COVID-19 thêm 16 tỉnh lên tổng số 32 tỉnh. Tại Hàn Quốc, ngày 24/1 là ngày thứ 3 liên tiếp nước này ghi nhận số ca mắc mới COVID-19 trên 7.000 ca, các cơ quan chức năng thực hiện phương thức ứng phó mới, các xét nghiệm nhanh kháng nguyên sẽ được thực hiện tại các trung tâm xét nghiệm COVID-19 để cho kết quả nhanh hơn, trong khi xét nghiệm PCR sẽ được dành cho các nhóm đối tượng có nguy cơ lây nhiễm cao.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 25/01/2022, cả nước ghi nhận 2.171.527 ca mắc, trong đó 2.166.364 ca trong nước. Đến nay đã có 1.904.069 người khỏi bệnh, 36.884 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.168.675 ca, trong đó có 2.164.794 ca trong nước (99,8%), 1.901.252 người đã khỏi bệnh (87,7%), 36.849 tử vong tại 53 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 15.743 ca mắc mới, trong đó 15.699 ca ghi nhận trong nước (tăng 1.392 ca so với ngày trước đó) tại 61 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.956), Đà Nẵng (989), Hải Phòng (704), Thanh Hóa (685), Hưng Yên (623), Bắc Ninh (560), Bắc Giang (445), Quảng Ngãi (400), Hải Dương (397), Vĩnh Phúc (392), Hòa Bình (386), Bình Định (374), Phú Thọ (363), Bến Tre (352), Nam Định (337), Bình Phước (335), Quảng Ninh

(322), Thừa Thiên Huế (305), Đắk Lắk (303), Quảng Nam (301), Thái Nguyên (271), Thái Bình (267), Nghệ An (263), Lâm Đồng (225), Lào Cai (202), Khánh Hòa (200), Cà Mau (200), Quảng Bình (186), Kon Tum (178), Sơn La (152), Vĩnh Long (151), Tây Ninh (146), Bạc Liêu (146), Hà Nam (138), Trà Vinh (123), Yên Bái (114), Hà Giang (104), Hồ Chí Minh (99), Điện Biên (80), Bình Thuận (77), Tuyên Quang (70), Hậu Giang (69), Bà Rịa - Vũng Tàu (68), Bình Dương (61), Quảng Trị (59), Đồng Tháp (52), Phú Yên (50), Đắk Nông (48), Cần Thơ (42), Long An (38), Lai Châu (37), An Giang (35), Bắc Kạn (34), Ninh Bình (34), Cao Bằng (34), Ninh Thuận (34), Đồng Nai (31), Kiên Giang (26), Sóc Trăng (12), Tiền Giang (11), Gia Lai (3).

+ Có 44 ca nhập cảnh ghi nhận tại Đắk Nông (17), Hồ Chí Minh (13), Quảng Nam (5), Thanh Hóa (2), Nghệ An (2), Hà Nội (1), Hòa Bình (1), Quảng Trị (1), Bến Tre (1), Vĩnh Long (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.956 ca mắc, trong đó 842 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 852 ca tầm soát trong cộng đồng, 1.260 ca trong khu cách ly và 2 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (2.801 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Nam Từ Liêm 238, Hoàng Mai 224, Đống Đa 206, Ba Đình 179, Thanh Trì 177, Cầu Giấy 156, Hai Bà Trưng 141, Long Biên 132, Thanh Xuân 129, Hà Đông 127, Đông Anh 116, Gia Lâm 114, Tây Hồ 99, Ứng Hòa 89, Hoàn Kiếm 87, Bắc Từ Liêm 82, Thanh Oai 81, Hoài Đức 81, Thường Tín 69, Đan Phượng 58, Chương Mỹ 55, Mê Linh 41, Mỹ Đức 40, Phú Xuyên 39, Thạch Thất 38, Sóc Sơn 38, Sơn Tây 22, Phúc Thọ 20, Quốc Oai 18, Ba Vì 11 và 49 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Lạng Sơn (giảm 133), Hà Tĩnh (giảm 112), Ninh Bình (giảm 73).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Đắk Lắk (tăng 303), Bắc Ninh (tăng 225), Bến Tre (tăng 218).

- Việt Nam đã ghi nhận 163 trường hợp nhiễm biến thể Omicron, trong đó có 06 trường hợp phát hiện trong nước tại TP. Hồ Chí Minh (5), Hà Nội (1) và 157 trường hợp nhập cảnh từ 22 quốc gia trên 49 chuyến bay và qua 01 cửa khẩu đường bộ (Mộc Bài - Tây Ninh). Các hành khách đi cùng đã được cách ly, theo dõi, quản lý ngay khi nhập cảnh, sức khỏe ổn định.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 10.733 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 68,4% tổng số mắc trong ngày), tăng 1.199 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.694 ca cộng đồng (giảm 59 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 114.384 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 929 ca cộng đồng (tăng 2 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 27.133 ca.

+ Tỉnh Tiền Giang: Trong ngày ghi nhận 5 ca cộng đồng (bằng với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 35.246 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 12 ca cộng đồng (giảm 45 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 32.836 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Đà Nẵng tăng 1.113 ca, Hưng Yên tăng 1.193 ca; các địa phương

ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Bình Định (giảm 1.732 ca), Hồ Chí Minh (giảm 1.599 ca), Trà Vinh (giảm 1.501 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.901.252 người đã khỏi bệnh (87,7%), tăng 62.889 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 230.574 trường hợp, trong đó có 4.602 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.192; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 637; (3) Thở máy không xâm lấn: 120; (4) Thở máy xâm lấn: 634; (5) EMO: 19.

- Trong ngày 24/01, ghi nhận 165 trường hợp tử vong (tăng 42 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (6) trong đó có 4 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: Tiền Giang (2), Đồng Nai (1), Trà Vinh (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Bà Rịa - Vũng Tàu (21 ca trong 02 ngày), Đồng Nai (20 ca trong 02 ngày), Vĩnh Long (11), Kiên Giang (11), An Giang (10 ca trong 02 ngày), Hậu Giang (10 ca trong 02 ngày), Tiền Giang (9), Cần Thơ (9), Bình Định (7 ca trong 02 ngày), Đồng Tháp (7), Tây Ninh (6), Trà Vinh (4), Bình Thuận (4), Bắc Ninh (3), Bình Dương (3), Sóc Trăng (3), Hà Giang (2), Quảng Nam (2), Đà Nẵng (2), Bạc Liêu (2), Cà Mau (2), Hà Nam (1), Ninh Bình (1), Huế (1), Hải Dương (1), Lạng Sơn (1), Thái Nguyên (1), Phú Yên (1), Đắk Nông (1), Lâm Đồng (1), Bình Phước (1), Bến Tre (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng báo cáo hợp Ban Chỉ đạo Quốc gia về công tác phòng, chống dịch COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2022.

- Ngày 24/01/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 401/BYT-TB-CT về việc tăng cường báo cáo nhu cầu sử dụng trên phần mềm oxy y tế.

- Tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu về chiến lược thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong tình hình mới.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 24/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 37.668.318 mẫu cho 80.575.410 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 31.933.973 mẫu tương đương 76.827.471 lượt người, tăng 30.468 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.768.643 mẫu gộp cho 47.782.990 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 24/01/2022 là 211.930.934 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	31.131.140	12.927.860	17.816.880	386.400	61.458.176
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	105.604.768	51.024.460	27.716.910	26.863.398	211.930.934
II	Tổng số vắc xin đã tiêm						177.388.045
III	Số vắc xin còn lại chưa tiêm						34.542.889

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 211,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 194,2 triệu liều; còn khoảng 17,7 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 24/01/2022

Cả nước đã tiêm 177.388.045 liều (trong ngày tiêm được 943.564 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 91,3% số vắc xin phân bổ 122 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	95,7%	21,4%
Trẻ em (12-17 tuổi)	95,1%	85,4%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 161.449.796 liều:

+ Mũi 1: 70.521.947 liều

+ Mũi 2: 67.750.148 liều ; Mũi bổ sung: 8.333.807 liều.

+ Mũi 3: 14.843.894 liều

49/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

14/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 79% - dưới 90% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 15.938.249 liều:

+ Mũi 1: 8.397.617 liều

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên, các địa phương đang tiến hành rà soát và cập nhật lại đối tượng. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có)

+ Mũi 2: 7.540.632 liều.

- 30/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.
- 18/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80-dưới 90% .
- 15/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 23% - dưới 80% .

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Tất cả các địa phương đều đã chuyển sang trạng thái “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ. Tuy vậy, số mắc mới vẫn tiếp tục ghi nhận tại hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước với khoảng 15.000 ca mỗi ngày. Trong thời gian tới, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả biến chủng Omicron và thậm chí có thể sẽ có những biến thể mới khác ngoài Omicron. Bộ Y tế thường xuyên trao đổi với WHO để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này, trên cơ sở đó đề xuất các phương án, biện pháp phòng, chống dịch kịp thời, phù hợp, hiệu quả phù hợp với diễn biến tình hình dịch.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Hướng dẫn người dân về quê nhân dịp Tết Nguyên đán thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 gồm thực hiện 5K, tự theo dõi sức khỏe, không phải cách ly y tế; nếu có biểu hiện nghi ngờ mắc COVID-19 như sốt, ho, khó thở... thì hạn chế tiếp xúc và hạn chế đi lại, thông báo ngay cho y tế địa phương để được hướng dẫn, xét nghiệm SARS-COV-2 và xử trí theo quy định.

2. Tăng cường giám sát, quản lý các trường hợp nhập cảnh từ nước ngoài, lưu ý kiểm tra điều kiện lưu trú của các trường hợp này nhằm đảm bảo không tiếp xúc với người xung quanh khi mới nhập cảnh theo quy định; tăng cường giám sát tại cộng đồng để phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ, các diễn biến bất thường (ổ dịch, số mắc, ca bệnh tử vong...), khoanh vùng, xử lý kịp thời, triệt để ổ dịch không để lây lan ra cộng đồng. Chủ động gửi mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm biến chủng Omicron đến Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur để tiến hành xét nghiệm, giải trình tự gen khẳng định.

3. Các bộ, ngành, địa phương: (i) Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các nguyên lý, biện pháp, công thức, phương châm phòng chống dịch với 3 trụ cột (cách ly, xét nghiệm, điều trị) và công thức “5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác”; (ii) không tổ chức các hoạt động tập trung đông người, nhất là dịp Tết âm lịch sắp tới; (iii) đẩy mạnh tiến độ tiêm vắc xin tại địa phương khi đã được cung cấp đầy đủ vắc xin, bảo đảm tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Y tế; (iv) tiếp tục huy động sự tham gia của cộng đồng, tình nguyện viên trong hỗ trợ tư vấn, chăm sóc, theo dõi người bệnh; (v) tăng cường áp dụng các biện pháp công nghệ để quản lý ca bệnh và điều hành, quản lý dịch bệnh.

4. Hoàn thiện tiêm đủ liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên trong tháng 01/2022 và liều bổ sung, liều nhắc lại cho người từ 18 tuổi trở lên theo Công văn

10722/BYT-DP ngày 17/12/2021 về tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều cơ bản và liều nhắc lại trong Quý I/2022; rà soát không để bỏ sót đối tượng chưa được tiêm chủng và đối tượng chưa được tiêm đủ liều vắc xin; sau khi rà soát, khẩn trương tiêm đủ liều cho các đối tượng từ 12 tuổi trở lên; bảo đảm an toàn trong tiêm chủng.

5. Đảm bảo an toàn phòng chống dịch COVID-19 trong khu công nghiệp, trường học. Tăng cường kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe... yêu cầu thực hiện nghiêm việc thường xuyên cập nhật trạng thái trên Bản đồ chung sống an toàn với COVID-19

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 24/01	Số mắc ngày 25/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 25/01	Số tử vong tích lũy đến 24/01
Có lấy nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		14.307	15.699	1392	2.164.592	36.848
1	Hồ Chí Minh	97	99	2	512.970	20.292
2	Bình Dương	31	61	30	292.364	3.362
3	Hà Nội	2801	2.956	155	114.384	348
4	Đồng Nai	23	31	8	99.717	1.630
5	Tây Ninh	158	146	-12	87.435	809
6	Khánh Hòa	159	200	41	60.892	257
7	Cà Mau	191	200	9	55.092	269
8	Vĩnh Long	152	151	-1	52.810	636
9	Đồng Tháp	51	52	1	47.121	875
10	Cần Thơ	29	42	13	44.207	830
11	Bình Phước	382	335	-47	44.584	146
12	Long An	40	38	-2	41.436	974
13	Trà Vinh	93	123	30	37.535	216
14	Bến Tre	134	352	218	36.828	337
15	An Giang	36	35	-1	35.372	1.271
16	Tiền Giang	19	11	-8	35.246	1.171
17	Bạc Liêu	60	146	86	34.975	344
18	Kiên Giang	78	26	-52	32.836	757
19	Sóc Trăng	21	12	-9	32.128	531
20	BRVT	95	68	-27	30.466	350
21	Bình Định	363	374	11	30.186	112
22	Bình Thuận	64	77	13	28.962	359
23	Hải Phòng	733	704	-29	26.849	32
24	Đà Nẵng	958	989	31	27.133	95
25	Bắc Ninh	335	560	225	21.226	34
26	T.T.Huế	259	305	46	20.215	115
27	Thanh Hóa	585	685	100	17.387	12
28	Hậu Giang	78	69	-9	15.670	155
29	Đắc Lắc		303	303	15.350	78
30	Lâm Đồng	196	225	29	15.019	51
31	Hưng Yên	644	623	-21	15.981	2
32	Bắc Giang	292	445	153	13.287	17
33	Quảng Ngãi	387	400	13	13.236	33
34	Nghệ An	306	263	-43	12.352	39
35	Hà Giang	106	104	-2	11.395	23
36	Quảng Nam	270	301	31	11.907	25
37	Quảng Ninh	404	322	-82	11.121	6
38	Phú Yên	105	50	-55	9.733	58
39	Gia Lai	86	3	-83	9.640	28
40	Hải Dương	342	397	55	9.321	11
41	Vĩnh Phúc	297	385	88	8.641	8
42	Đắc Nông	51	48	-3	7.875	20
43	Nam Định	355	337	-18	8.450	7
44	Ninh Thuận	26	34	8	6.738	56
45	Thái Nguyên	288	271	-17	6.746	3

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 24/01	Số mắc ngày 25/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 25/01	Số tử vong tích lũy đến 24/01
46	Phú Thọ	295	370	75	6.556	9
47	Thái Bình	174	267	93	6.082	
48	Hòa Bình	278	386	108	6.369	15
49	Quảng Bình	148	186	38	5.662	7
50	Hà Nam	124	138	14	4.870	
51	Quảng Trị	125	59	-66	4.077	4
52	Lạng Sơn	133		-133	3.750	10
53	Sơn La	109	152	43	3.489	
54	Ninh Bình	107	34	-73	3.213	7
55	Tuyên Quang	87	70	-17	2.988	
56	Hà Tĩnh	112		-112	2.401	6
57	Lào Cai	115	202	87	2.610	1
58	Yên Bái	95	114	19	2.337	
59	Kon Tum	85	178	93	2.143	
60	Điện Biên	44	80	36	1.966	1
61	Cao Bằng	70	34	-36	1.527	2
62	Bắc Kạn		34	34	849	2
63	Lai Châu	26	37	11	885	
14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	14.307	15.699	1.392	2.164.794	36.848

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 24/01/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
1	Hà Nội	16.619.142	6.203.941	5.930.026	0	228.768	2.238.676	694.723	666.036	15.962.170	96,0%
2	Hải Phòng	4.200.320	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	85,1%
3	Thái Bình	2.860.940	1.148.387	1.177.800	96.673	89.601	171.590	149.678	130.807	2.964.536	103,6%
4	Nam Định	2.728.360	1.134.195	1.105.389	0	53.178	91.115	153.214	141.206	2.678.297	98,2%
5	Hà Nam	1.699.760	580.269	569.514	0	260.700	95.485	70.930	69.074	1.645.972	96,8%
6	Ninh Bình	1.602.960	636.194	654.320	0	154.521	84.838	82.166	76.925	1.688.964	105,4%
7	Thanh Hoá	6.783.480	2.308.654	2.135.637	228.432	93.780	25.532	280.923	216.349	5.289.307	78,0%
8	Bắc Giang	3.566.480	1.302.621	1.280.681	0	50.520	717.195	149.190	140.421	3.640.628	102,1%
9	Bắc Ninh	2.992.450	1.127.513	1.069.382	0	352.276	269.185	115.270	107.909	3.041.535	101,6%
10	Phú Thọ	2.175.740	965.660	872.201	0	135.859	34.902	124.912	107.794	2.241.328	103,0%
11	Vĩnh Phúc	2.163.070	778.478	699.461	0	62.457	87.840	107.830	96.902	1.832.968	84,7%
12	Hải Dương	3.194.630	1.319.056	1.192.411	4.272	80.575	275.042	157.053	143.097	3.171.506	99,3%
13	Hưng Yên	2.352.762	818.736	790.053	0	82.491	95.851	109.641	107.204	2.003.976	85,2%
14	Thái Nguyên	2.292.690	906.716	827.184	12.792	147.721	110.084	107.733	105.348	2.217.578	96,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
15	Bắc Cạn	565.100	212.475	197.547	0	291	11.607	20.388	6.108	448.416	79,4%
16	Quảng Ninh	3.125.858	977.873	922.770	0	4.934	470.464	119.421	110.336	2.605.798	83,4%
17	Hoà Bình	1.556.610	540.659	501.876	0	26.692	4.972	75.444	71.462	1.221.105	78,4%
18	Nghệ An	5.448.880	1.978.184	1.961.775	499.033	231.703	233.049	281.138	241.970	5.426.852	99,6%
19	Hà Tĩnh	2.240.650	796.602	717.452	0	92.959	70.645	112.855	106.866	1.897.379	84,7%
20	Lai Châu	745.270	253.664	241.498	0	85.535	41.938	52.041	46.464	721.140	96,8%
21	Lạng Sơn	1.533.890	499.399	484.889	0	0	235.126	66.486	62.735	1.348.635	87,9%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%
23	Hà Giang	1.542.780	478.735	441.558	161	13.904	84.817	84.772	69.457	1.173.404	76,1%
24	Cao Bằng	865.380	345.301	311.172	0	49.093	64.931	44.984	39.130	854.611	98,8%
25	Yên Bái	1.555.860	509.127	490.959	0	200.282	104.485	77.999	73.934	1.456.786	93,6%
26	Lào Cai	1.459.780	458.574	437.794	0	193.802	65.552	78.672	71.522	1.305.916	89,5%
27	Sơn La	1.706.930	774.106	661.989	1.569	0	85.119	94.572	105.583	1.722.938	100,9%
28	Điện Biên	1.115.500	330.098	300.837	0	126.470	68.712	72.701	54.023	952.841	85,4%
Cộng miền Bắc		80.049.432	29.531.640	27.969.001	842.932	2.895.044	6.029.129	3.707.015	3.383.892	74.358.653	92,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
29	Quảng Binh	1.374.770	528.129	505.896	0	18.406	50.167	76.095	58.968	1.237.661	90,0%
30	Quảng Trị	1.222.182	428.457	410.533	9.664	29.335	51.512	60.933	40.515	1.030.949	84,4%
31	TT- Huế	2.264.176	784.913	744.056	0	150.786	126.619	102.222	96.998	2.005.594	88,6%
32	Tp. Đà Nẵng	2.133.682	861.249	850.653	0	84.247	129.306	100.536	98.437	2.124.428	99,6%
33	Quảng Nam	2.902.400	1.037.723	1.004.576	28.204	139.382	47.348	128.302	122.448	2.507.983	86,4%
34	Quảng Ngãi	2.463.394	841.894	783.340	0	4.458	90.048	110.869	94.661	1.925.270	78,2%
35	Bình Định	2.738.680	1.043.673	994.744	50.802	100.373	90.782	139.701	83.760	2.503.835	91,4%
36	Phú Yên	1.602.454	620.036	581.366	0	17.698	94.457	84.606	78.083	1.476.246	92,1%
37	Khánh Hòa	2.835.860	972.751	939.525	0	338.306	263.466	116.181	114.954	2.745.183	96,8%
38	Ninh Thuận	1.236.810	429.656	396.296	0	102.816	53.175	59.607	54.214	1.095.764	88,6%
39	Bình Thuận	2.665.820	900.265	853.570	7.207	108.383	20.784	114.863	71.535	2.076.607	77,9%
Cộng miền Trung		23.440.228	8.448.746	8.064.555	95.877	1.094.190	1.017.664	1.093.915	914.573	20.729.520	88,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
40	Kon Tum	984.090	317.239	298.650	4.502	68.884	32.037	58.688	52.447	832.447	84,6%
41	Gia Lai	2.587.452	975.417	863.140	69.352	40.589	114.784	165.408	136.852	2.365.542	91,4%
42	Đắk Lắk	3.225.460	1.252.724	1.174.311	0	308.622	90.525	177.582	154.921	3.158.685	97,9%
43	Đắk Nông	1.200.940	401.942	392.908	0	115.700	56.370	67.958	65.117	1.099.995	91,6%
Cộng Tây Nguyên		7.997.942	2.947.322	2.729.009	73.854	533.795	293.716	469.636	409.337	7.456.669	93,2%
44	TP. HCM	20.255.820	7.450.272	6.759.426	12.340	704.321	3.767.858	721.107	704.106	20.119.430	99,3%
45	BR-VT	2.531.240	968.602	889.674	0	0	380.058	110.417	108.810	2.457.561	97,1%
46	Đồng Nai	6.233.240	2.714.357	2.336.815	0	85.318	220.442	177.338	128.778	5.663.048	90,9%
47	Tiền Giang	3.657.690	1.319.274	1.275.613	138.382	84.525	370.472	156.455	148.883	3.493.604	95,5%
48	Long An	4.058.390	1.499.159	1.448.731	30	15.343	758.095	170.578	156.254	4.048.190	99,7%
49	Lâm Đồng	2.893.304	974.453	950.015	0	326.388	81.508	135.755	114.158	2.582.277	89,3%
50	Tây Ninh	2.555.460	872.584	824.430	10.161	25.654	302.884	89.059	87.159	2.211.931	86,6%
51	Cần Thơ	2.690.818	924.278	1.170.938	5.874	251.338	112.354	105.428	49.136	2.619.346	97,3%
52	Sóc Trăng	2.610.960	887.380	851.673	0	307.532	10.887	116.852	104.545	2.278.869	87,3%
53	An Giang	3.977.092	1.357.926	1.336.128	183.847	339.793	130.835	201.990	183.372	3.733.891	93,9%
54	Bến Tre	2.912.480	1.020.553	994.621	0	401.193	138.155	106.936	101.969	2.763.427	94,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
55	Trà Vinh	2.033.270	787.383	576.885	0	19.336	205.968	85.371	78.647	1.753.590	86,2%
56	Vĩnh Long	2.286.120	775.110	753.164	0	251.436	174.547	91.343	86.626	2.132.226	93,3%
57	Đồng Tháp	3.484.710	1.125.551	1.164.445	148	265.221	68.335	144.649	115.048	2.883.397	82,7%
58	Bình Duong	6.064.450	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	80,9%
59	Bình Phước	2.183.780	751.136	716.190	0	148.084	65.231	109.584	100.949	1.891.174	86,6%
60	Kiên Giang	3.566.150	1.236.952	1.142.068	64.566	0	94.484	142.591	155.939	2.836.600	79,5%
61	Cà Mau	2.397.190	817.500	807.387	0	231.677	82.974	112.221	110.243	2.162.002	90,2%
62	Bạc Liêu	1.604.190	566.647	554.076	0	168.447	81.596	88.367	85.214	1.544.347	96,3%
63	Hậu Giang	1.479.590	530.773	510.152	0	163.111	55.236	74.042	71.065	1.404.379	94,9%
Cộng miền Nam		79.475.944	28.959.733	27.002.362	415.348	3.810.778	7.337.952	3.127.051	2.832.830	73.486.054	92,5%

Ghi chú:

- 3.698.970 liều vắc xin Pfizer đợt 121, 1221 có Quyết định phân bổ ngày 24/01/2022, các địa phương đang tiếp nhận vắc xin, chưa triển khai tiêm chủng.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 63.890 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.556.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.235.193 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 141.190 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều).

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 24/01/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	41,1%	100,0%	98,5%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,2%	94,6%	13,8%	99,8%	87,2%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	97,9%	95,4%	7,9%	100,0%	97,4%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,8%	93,0%	15,6%	98,2%	95,6%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	12,7%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	96,6%	89,4%	1,1%	99,3%	76,5%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,5%	96,8%	54,2%	88,4%	83,2%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,3%	93,3%	23,5%	98,8%	92,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,6%	86,3%	3,5%	97,0%	83,7%
11	Vĩnh Phúc	789.896	113.795	98,6%	88,6%	11,1%	94,8%	85,2%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	99,0%	89,5%	20,7%	94,6%	86,2%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,1%	95,6%	11,6%	97,2%	95,0%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	98,8%	90,1%	12,0%	99,8%	97,6%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	98,3%	91,4%	5,4%	77,6%	23,3%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	95,8%	90,4%	46,1%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	94,8%	88,0%	0,9%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	11,9%	100,0%	88,2%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	90,2%	8,9%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,0%	92,4%	16,0%	99,1%	88,4%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	98,6%	95,8%	46,4%	100,0%	95,4%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	97,7%	90,1%	17,3%	94,3%	77,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	93,6%	84,3%	17,6%	100,0%	88,4%
25	Yên Bái	510.271	79.169	99,8%	96,2%	20,5%	98,5%	93,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	98,3%	14,7%	98,4%	89,5%
27	Sơn La	834.690	136.147	92,7%	79,3%	10,2%	69,5%	77,6%
28	Điện Biên	336.229	74.737	98,2%	89,5%	20,4%	97,3%	72,3%
Cộng miền Bắc		29.113.237	3.797.068	100,0%	96,1%	20,7%	97,6%	89,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
29	Quảng Bình	541.719	79.538	97,5%	93,4%	9,3%	95,7%	74,1%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,5%	90,5%	11,4%	87,4%	58,1%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	95,4%	16,2%	99,1%	94,0%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,3%	96,1%	14,6%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,5%	92,5%	4,4%	91,4%	87,2%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	98,7%	91,9%	10,6%	96,5%	82,4%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,6%	89,2%	8,1%	95,3%	57,2%
36	Phú Yên	678.954	86.632	91,3%	85,6%	13,9%	97,7%	90,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	98,6%	27,6%	90,4%	89,5%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	94,4%	12,7%	96,6%	87,9%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	99,8%	94,6%	2,3%	84,6%	52,7%
Cộng miền Trung		8.668.699	1.169.017	97,5%	93,0%	11,7%	93,6%	78,2%
40	Kon Tum	338.741	60.751	93,7%	88,2%	9,5%	96,6%	86,3%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	90,8%	12,1%	95,3%	78,9%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	99,1%	92,9%	7,2%	86,1%	75,1%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,3%	97,0%	13,9%	98,7%	94,6%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	509.383	99,6%	92,3%	9,9%	92,2%	80,4%
44	TP. HCM	7.300.000	760.000	100,0%	92,6%	51,6%	94,9%	92,6%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,0%	39,7%	98,0%	96,5%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	93,8%	8,9%	60,7%	44,1%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,1%	28,5%	98,7%	93,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	99,8%	52,2%	100,0%	93,2%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	97,7%	8,4%	100,0%	86,6%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	92,1%	87,0%	32,0%	90,5%	88,6%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	97,5%	100,0%	11,9%	93,5%	43,6%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	98,3%	1,3%	100,0%	93,7%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,0%	97,4%	9,5%	100,0%	92,2%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,2%	95,7%	13,3%	100,0%	97,6%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	29,5%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	97,9%	22,7%	99,6%	94,5%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	90,4%	93,5%	5,5%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,0%	94,4%	8,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	95,9%	7,9%	75,4%	82,4%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,2%	10,2%	100,0%	98,2%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,0%	96,8%	14,3%	97,3%	93,8%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,0%	95,1%	10,3%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.588.505	3.351.141	100,0%	94,5%	25,7%	93,3%	84,5%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 24/01/2022 đến 16h00 ngày 25/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.035 lượt người (nhập cảnh: 2.693, xuất cảnh: 2.342).
- + Tuyển VN-TQ: 2.130 lượt người (nhập cảnh: 1.083, xuất cảnh: 1.047).
- + Tuyển VN-Lào: 2.147 lượt người (nhập cảnh 1.143, xuất cảnh: 1.004).
- + Tuyển VN-CPC: 758 lượt người (nhập cảnh 467; xuất cảnh: 291).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.043 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 900 người (VN-TQ: 04, VN-Lào: 271, VN-CPC: 625).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 142 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 04, VN-CPC: 138).
 - + Số người trao trả: 01 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 23/01/2022 tới ngày 24/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.088 lượt người (nhập cảnh: 588 lượt người; xuất cảnh: 500 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 3.188 lượt người (nhập cảnh: 2.526 lượt người; xuất cảnh: 662 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 25/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 41 tin/bài tiếng Việt; 96 ảnh trong nước và quốc tế; 21 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung phản ánh chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch; chỉ đạo, kiến nghị của Bộ Y tế, các Bộ, ban, ngành liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19, trong đó có liên quan đến lộ trình mở cửa trường học và phương án, kế hoạch, lộ trình mở cửa đón khách du lịch an toàn, hiệu quả; nỗ lực kiểm soát dịch COVID-19 ở các địa phương; “thần tốc” tiêm vaccine phòng COVID-19 mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên; nâng cao trách nhiệm phòng, chống dịch COVID-19; điều trị các di chứng sau mắc COVID-19...; một số địa phương phát hiện ca nhiễm biến thể Omicron đầu tiên; khuyến cáo người không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch COVID- 19; lan tỏa các thông điệp

tạo sự đồng lòng trong phòng, chống dịch COVID-19; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như: Số ca mới tăng lên mức cao nhất ở Hàn Quốc; Nhật Bản mở rộng áp dụng biện pháp phòng dịch trọng điểm; Làn sóng lây nhiễm Omicron dần suy giảm ở Australia; châu Âu mở rộng năng lực sản xuất vaccine của AstraZeneca; Anh cần thêm 6.000 người thử nghiệm thuốc molnupiravir; Mỹ hạn chế 2 liệu pháp điều trị kháng thể đơn dòng; Thái Lan triển khai mũi tiêm thứ 4 tại 10 tỉnh; Đức xem xét quy định tiêm chủng bắt buộc; New Zealand chú trọng điều kiện thông khí khi mở cửa lại trường học; Trung Quốc dỡ bỏ phong tỏa tại thành phố Tây An; vaccine ngừa COVID-19 tiếp theo có thể được bào chế từ thực vật...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 23/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.110.000 cuộc gọi (ngày 23/01 đã tiếp nhận và xử lý hơn 8 nghìn cuộc gọi).

13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1	22/1	23/1
18140	16278	13144	10893	13631	14009	13653	13358	12380	10630	8634

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 23/01/2022 đã tiếp nhận hơn 309 nghìn cuộc (ngày 23/01/2022 đã tiếp nhận 46 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 23/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 23/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	12/1	13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1	22/1	23/1
Cuộc gọi đến	81	61	63	82	50	61	79	75	51	52	42	46

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 33.854.165 (=so với 23/01/2022, tăng 18.221 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 35,29% dân số, 50,77% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.700.472 điểm đăng ký

+ 167.263 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 231.189.088

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 176.429.306

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 168.068.810

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,26%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.293.366

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu 16.272.340 (tăng 26.023 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 26.023 người

Hà Nội 7.433

Bắc Giang 8.321

Thừa Thiên Huế 3.044

Yên Bái 3.138

Đồng Nai 1.039

Thái Nguyên 985

Quảng Bình 1.51

Bắc Ninh 161

Đồng Tháp 158

Bình Dương 166

An Giang 44

Bình Phước 130

Khánh Hòa 23

Quảng Trị 20

Sóc Trăng 10

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 6.244.372
(tăng 14422 người)

Quảng Ninh	76	
Hải Dương	218	
Bãi Cháy	89	
TPHCM	606	
Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh	165	
Bình Định	7	
Yên Bái	161	
Thái Nguyên	265	
An Giang	4	
Bắc Giang	7682	
Bắc Ninh	6	
Bình Dương	110	
Bình Phước	10	
Đồng Nai	310	
Đồng Tháp	5	
Hà Nội	1157	
Khánh Hòa	1	
Quảng Bình	323	
Thừa Thiên Huế	177	
Tiền Giang	5	
Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương	3	
Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh	17	
Bệnh viện sản nhi TWG Long An	25	
Phòng khám đa khoa Bắc Hà - Bắc Ninh	37	
SOVICO	1111	
Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng	12	
Bệnh viện đa khoa Hòa Bình	23	
Bệnh viện Hồng Ngọc	564	
Bệnh viện Hoàn Mỹ Thủ Đức	4	
Bệnh viện Nhi đồng 2	139	
Phòng khám đa khoa Hòa Hảo	169	
Bệnh viện thành phố Thủ Đức	23	
Bệnh viện Vinmec Times City	272	
Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	430	
Bệnh viện Labhouse	216	